

Bản án số 57/2021/HS-ST  
Ngày 28 - 6 - 2021

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ TỈNH QUẢNG NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Phúc Định

*Hội thẩm nhân dân:* Ông Thái Quang Định và bà Phạm Thị Dung

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Tố Tâm - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Mạnh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 55/2021/TLST-HS ngày 21 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 56/QĐXXST-HS ngày 14/6/2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn C** (tên gọi khác: Không); sinh ngày 31 tháng 12 năm 1995 tại thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Nơi cư trú: thôn Bắc Mã 2, xã B D, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tiến Ngh, sinh năm: 1971 và bà Lê Thị D, sinh năm: 1975; có vợ là chị Lư Thị H, sinh năm 1995; có 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 04/4/2021, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

**- Bị hại:** Anh Hà Hồng C, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Tổ 3, khu 8, phường V D, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị Trần Quỳnh D, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Tổ 6, khu 2, phường Đ Tr, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

**- Người làm chứng:** Anh Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Thôn An Làng, xã V D, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 20/9/2019, Nguyễn Văn C đến cửa hàng cầm đồ “Hồng Cường” tại tổ 1, khu 3, phường Th S, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh do anh Hà Hồng C (có giấy phép kinh doanh) làm chủ để thuê xe mô tô tự lái. Cả hai thống nhất thỏa thuận rồi cùng ký vào hợp đồng với nội dung anh Hà Hồng C cho C thuê 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH

125i và tự gắn biển kiểm soát 14B1-333.36 để sử dụng từ ngày 20/9/2019 đến 04/10/2019 với giá 250.000đồng/ngày. C đưa anh Hà Hồng C cầm 01 thẻ căn cước công dân mang tên mình rồi nhận xe mô tô và rời khỏi cửa hàng. Chiều cùng ngày, do thiếu tiền tiêu xài cá nhân, C nảy sinh ý định cầm cổ chiếc xe trên để lấy tiền tiêu. C điều khiển xe mô tô trên đến nhà chị Trần Quỳnh D tại khu 2, phường H Đ, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Tại đây, C thống nhất vay của chị D 22.000.000 đồng và viết giấy vay tiền với anh Nguyễn Văn Tr (người làm của chị D), để lại chiếc xe mô tô làm tài sản bảo đảm rồi cầm tiền ăn tiêu hết cá nhân hết. Chị D gửi chiếc xe mô tô trên tại nhà anh Trần Viết Q (hàng xóm nhà chị D) thuộc tổ 6, khu 2, phường Đ Tr, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Ngày 05/10/2019, hết thời hạn thuê xe, anh Hà Hồng C không liên lạc được với C để yêu cầu trả xe nên đến Công an thành phố Uông Bí trình báo. Ngày 08/10/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Uông Bí thu giữ được chiếc xe mô tô trên tại nhà anh Q.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 49 ngày 11/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Uông Bí kết luận 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 125i, gắn biển số 14B1-333.36, số khung RLHJF7304GY117177, số máy JF73E-0117233 xe cũ đã qua sử dụng có giá **60.000.000 đồng**.

Tại bản Kết luận giám định số 163/GĐSK, SM ngày 18/11/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh kết luận số khung, số máy của xe mô tô Honda SH 125i có số khung RLHJF7304GY117177, số máy JF73E-0117233 không bị tẩy xóa đục lại và Bản kết luận giám định số 804/KLGĐ ngày 10/5/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh kết luận: Hình dấu Công an hiệu đóng trong biển số xe mô tô 14B1-333.36 cần giám định so với hình dấu Công an hiệu trong 2 biển số xe mô tô 14B1-759.53 và 14B1-761.53 mẫu so sánh không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Sau khi phạm tội Nguyễn Văn C không có mặt tại nơi cư trú đến ngày 29/3/2021, Cơ quan điều tra xác minh, lấy lời khai C. Tại cơ quan điều tra, C khai nhận như nội dung nêu trên, ngoài ra C còn tác động gia đình bồi thường cho anh Hà Hồng C số tiền 29.000.000 đồng và chị D số tiền 22.000.000 đồng.

Bị hại anh Hà Hồng C khai về nguồn gốc chiếc xe mô tô là do anh mua có hợp đồng mua bán đầy đủ nhưng chưa đăng kí do đợi biển số đẹp còn chiếc biển số xe mô tô 14B1-333.36 do anh nhặt được trên đường, do thấy biển số đẹp nên gắn vào xe mô tô cho người khác thuê.

Bản Cáo trạng số 59/CT-VKSUB ngày 20/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn C về tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo như nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ: điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C từ 24 đến 30 tháng tù giam về tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giam là ngày 04/4/2021.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án đã nêu và nhận thức được hành vi phạm tội của mình, thấy ăn năn hối cải. Lời nói sau cùng bị cáo đã thấy ân hận về hành vi phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

Bị hại anh Hà Hồng C; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Trần Quỳnh D và người làm chứng: anh Nguyễn Văn Tr đều có lời khai tại cơ quan điều tra có trong hồ sơ vụ án phù hợp với nội dung sự việc như đã nêu trên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**[1] Về các tài liệu, chứng cứ, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Uông Bí, của Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, của Kiểm sát viên:** Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, không có ý kiến hoặc khiếu nại về các tài liệu, chứng cứ, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các tài liệu, chứng cứ, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

**[2] Về việc định tội đối với bị cáo:** Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn C đều thừa nhận hành vi bị cáo đã thực hiện như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo Nguyễn Văn C tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, phù hợp với kết luận giám định, kết luận định giá tài sản, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra công khai tại phiên tòa hôm nay. Bị cáo Nguyễn Văn C khẳng định việc truy tố đối với bị cáo là đúng người đúng tội; không oan, sai. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 11 giờ ngày 20/9/2019, tại khu vực tổ 1, khu 3, phường Th S, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, Nguyễn Văn C thuê 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 125i tự gắn biển số 14B1-333.36 của anh Hà Hồng C trị giá **60.000.000 đồng**, đem cầm cố cho chị Trần Quỳnh D để vay 22.000.000 đồng rồi ăn tiêu cá nhân hết, dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội: **“Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”** quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự, như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí truy tố và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

#### **[3] Về hình phạt:**

**[3.1] Về tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo:** Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản, đây là một trong những quyền được pháp luật Nhà nước bảo vệ, nguy hiểm cho xã hội gây mất trật tự trị an xã hội, bị cáo là người đã trưởng thành, có nhận thức đầy đủ về hành vi mình thực hiện là vi phạm pháp luật, nhưng chỉ vì hám lợi, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị

cáo mới đảm bảo tính giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung tội phạm.

**[3.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:** Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

**[3.4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:** Bị cáo Nguyễn Văn C sau khi thực hiện hành vi phạm tội và tại phiên tòa có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn, hối cải; tác động gia đình bồi thường cho bị hại; bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo C, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

**[3.5] Về hình phạt chính:** Từ những đánh giá, phân tích nêu trên, căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Để tăng cường biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm nói chung cũng như để giáo dục, cải tạo riêng đối với bị cáo, cần có một hình phạt tương xứng đối với hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật để bị cáo trở thành người tốt, có ích cho gia đình và xã hội. Nhưng dù xem xét đến đâu cũng cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để răn đe cải tạo, giáo dục bị cáo để thành người có ích cho gia đình và xã hội.

**[3.6] Về hình phạt bổ sung:** Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

**[4] Về trách nhiệm dân sự:** Bị hại đã được trả lại chiếc xe mô tô và có đơn xác nhận đã nhận tiền bồi thường tiền thiệt hại xe và tiền thuê xe trong những ngày thuê xe từ gia đình bị cáo Nguyễn Văn C 29.000.000 đồng và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo C và cũng không có yêu cầu gì khác; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được gia đình bị cáo bồi thường số tiền 22.000.000 đồng và cũng không có yêu cầu gì khác, nên không đề cập xử lý.

**[5] Về xử lý vật chứng:**

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH có số máy: JF73E0117233, số khung RLHJF7304GY117177, quá trình điều tra xác định của anh Hà Hồng C, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh C. Sau khi nhận được xe anh đã đăng ký biển kiểm soát 14Y1-282.23, không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự, nên không đề cập.

- Đối với 01 thẻ căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn C, Cơ quan điều tra đã trả lại bị cáo, nên không đề cập.

- Đối với 01 biển số xe 14B1-333.36 Cơ quan điều tra đã chuyển Công an thành phố Uông Bí xử lý theo thẩm quyền, nên không đề cập.

**[6] Về các tình tiết khác trong vụ án:**

- Đối với chị Trần Quỳnh D và anh Nguyễn Văn Tr không biết nguồn gốc xe mô tô do bị cáo phạm tội mà có nên hành vi không cấu thành tội phạm, nên không đề cập.

- Đối với việc anh Hà Hồng C có hành vi gắn biển số xe không do cơ quan có thẩm quyền cấp, Công an thành phố Uông Bí đã ra quyết định xử phạt hành chính, nên không đề cập.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định;

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội: “**Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản**”.

Căn cứ: điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Xử phạt: bị cáo **Nguyễn Văn C 24 (Hai mươi bốn) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam là ngày 04/4/2021.

2. Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 3; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo phải nộp 200.000<sup>d</sup> (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm vào Ngân sách Nhà nước.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ: Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

#### **Nơi nhận:**

- Bị cáo; bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND TP. Uông Bí;
- Công an TP. Uông Bí;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- THADS TP. Uông Bí;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu HS; Lưu TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Phúc Định**